

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO**
(Ban hành theo quyết định số 891b/QĐ-TDTTBN ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Hiệu Trưởng Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh)

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo ngành Y Sinh học TDTT do Khoa Y Sinh học TDTT xây dựng, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thẩm định và ban hành. Chương trình có tham khảo các chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Hồng Đức Đại học Hùng Vương, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh Khoa Công nghệ Hóa học, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Bắc Kinh-Trung Quốc, chương trình đào tạo Đại học của Học viện TDTT Thượng Hải – Trung Quốc, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Matcova – Nga...Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ được đào tạo về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Chương trình	Đào tạo đại học chính quy ngành Y sinh học TDTT
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Y sinh học TDTT
Mã ngành	7.72.90.01
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	2021-2025
Số tín chỉ	121
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	2 năm
Áp dụng từ năm tuyển sinh	2021
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Y sinh học TDTT

1.3. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức xã hội, sức khỏe và tài năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực Thể thao; có khả năng sáng tạo và thích nghi với môi trường làm việc trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0; có khả năng tự đào tạo và học tập suốt đời để phát triển chuyên môn nghề nghiệp trong lĩnh vực Thể thao.

1.4. Mục tiêu của chương trình

- Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực nắm vững kiến thức cơ bản về thể dục thể thao nói chung và y sinh học thể dục thể thao nói riêng. Sinh viên có đạo đức, trí tuệ, thể chất,

kỹ năng thực hành và khả năng vận dụng những tri thức chuyên ngành vào thực tế công tác giáo dục thể chất, huấn luyện thể thao, công tác y tế chăm sóc sức khỏe cho VĐV cũng như người tham gia tập luyện TDTT

- Mục tiêu cụ thể:

Mã	Mô tả
PO1	Phẩm chất chính trị - đạo đức: - Sau khi hoàn thành chương trình sinh viên phải có: Nhận thức đúng đắn về vị trí nghề nghiệp chuyên môn, luôn phấn đấu suốt đời vì sự nghiệp gìn giữ và tăng cường sức khỏe nhân dân hướng tới mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống và kéo dài tuổi thọ. - Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Chấp hành đúng đường lối của Đảng, luật pháp của Nhà nước và các quy định của ngành; là những công dân tốt trong cộng đồng xã hội.
PO2	Năng lực chuyên môn: - Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên ngành y sinh học TDTT đáp ứng yêu cầu của công tác huấn luyện, góp phần nâng cao trình độ huấn luyện và thành tích TT. Có đủ kiến thức cơ bản trong chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa chấn thương, bệnh lý xuất hiện trong hoạt động thể dục thể thao. - Về kỹ năng: Biết vận dụng những kiến thức y sinh học TDTT vào thực tiễn công tác giảng dạy và huấn luyện. Có kỹ năng tổ chức các hoạt động y tế trong tập luyện và thi đấu thể thao. Ứng dụng thành thạo các thành tựu khoa học kỹ thuật Y học tiên tiến vào trong công tác chẩn đoán, phục hồi chức năng cho người luyện tập, tuyển chọn vận động viên và phục vụ công tác nghiên cứu khoa học. - Về thái độ và đạo đức nghề nghiệp: Đoàn kết, khiêm tốn học tập không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn. Sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong vấn đề chuyên môn và nghiệp vụ. Có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, nêu gương tốt cho mọi người.
PO3	Chức năng công tác (năng lực công tác): - Tổ chức hoạt động y tế tại các trung tâm TDTT, câu lạc bộ TDTT, phục vụ các giải thi đấu thể thao các cấp. - Có khả năng đảm nhiệm công tác y tế cho VĐV trong các đội tuyển thể thao và làm công tác hồi phục chức năng vận động cho VĐV cũng như tất cả mọi người tham gia tập luyện tại các trung tâm y học TDTT hoặc trung tâm điều dưỡng. - Có khả năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao. - Đảm nhận tốt công tác giảng dạy các môn y sinh học TDTT như giải phẫu vận động, sinh lý TDTT, y học TDTT, vệ sinh TDTT, sinh cơ TDTT, sinh hoá TDTT trong các trường Đại học và cao đẳng TDTT. - Đảm nhận tốt công tác giảng dạy TDTT cũng như chăm sóc, theo dõi sức khỏe và năng lực vận động của VĐV học sinh trong các trường phổ thông và chuyên nghiệp. - Công tác trong các bệnh viện (có năng lực tham gia chẩn đoán, đánh giá, chỉ dẫn, điều trị bằng vận động, lý liệu pháp cho các VĐV và bệnh nhân trong các bệnh viện).

Mã	Mô tả
	- Biết phát hiện sớm các chấn thương và các trạng thái bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu thể thao. Phòng ngừa và xử lý bước đầu các chấn thương thể thao. - Có khả năng giáo dục và cố vấn cho VĐV cũng như đội Y học TDTT về chăm sóc sức khỏe và đề phòng các chấn thương, các bệnh thường gặp trong hoạt động TDTT.

1.5. Chuẩn đầu ra

Mã	Nội dung CDR
PLO1	Chuẩn về kiến thức
PLO1.1	Nắm được những vấn đề cơ bản về Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;
PLO1.2	Hiểu và cập nhật được các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như định hướng phát triển đất nước trong từng giai đoạn.
PLO1.3	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.
PLO1.4	Kiến thức về thể dục thể thao: Có kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động Thể dục thể thao(TDTT) quần chúng và thể thao thành tích cao; Có kiến thức cơ sở về Lý luận và Phương pháp TDTT; Đạt tiêu chuẩn vận động viên đẳng cấp III của 03 môn thể thao tự chọn.
PLO1.5	Kiến thức về Y sinh học: Hiểu biết cơ bản về thực trạng và xu hướng thay đổi về Y sinh học thể dục thể thao trong nước và quốc tế; Nắm vững những vấn đề cơ bản về cấu tạo, chức năng và hoạt động của cơ thể người trong trạng thái bình thường, trong hoạt động vận động và bệnh lý; Có kiến thức cơ bản về y học dự phòng trong xác định các tác động của môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và nghề nghiệp đến sức khỏe.
PLO1.6	Nắm vững các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực y sinh học, về bệnh học, sinh lý bệnh, cấp cứu ban đầu, cách thức phòng ngừa chấn thương, phương pháp điều trị bệnh lý trong hoạt động thể thao.
PLO1.7	Nắm vững các nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và phương pháp xử lý bước đầu các chấn thương và các bệnh thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu thể dục thể thao.
PLO1.8	Có kiến thức đáp ứng yêu cầu của công tác nghiên cứu khoa học, tuyển chọn, huấn luyện vận động viên, góp phần nâng cao trình độ và thành tích thể thao.
PLO1.9	Nắm vững các kiến thức về vận động trị liệu, Thể dục chữa bệnh, Xoa bóp thể thao, Dinh dưỡng thể thao và hồi phục trong thể thao.
PLO1.10	Có kiến thức ngoại ngữ tương đương trình độ A2, có kiến thức tin học tương đương trình độ B
PLO2	Chuẩn về kỹ năng
PLO2.1	Có kỹ năng tổ chức hoạt động y tế phục vụ các giải thi đấu thể thao

Mã	Nội dung CDR
PLO2.2	Có kỹ năng giảng dạy các môn Y sinh học thể dục thể thao, có năng lực thực hành chuyên môn về Y sinh học, vận dụng kiến thức Y sinh học thể dục thể thao trong nghiên cứu khoa học, kiểm tra, tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện của người tập thể dục thể thao.
PLO2.3	Có kỹ năng giảng dạy môn Thể dục và công tác y tế tại các trường bậc học phổ thông, trung cấp, cao đẳng và đại học chuyên nghiệp.
PLO2.4	Có kỹ năng về tư vấn, chăm sóc y tế cho vận động viên và người tập thể dục thể thao, có khả năng ứng dụng các phương tiện, các thủ pháp Y học trong sơ cứu các chấn thương, hồi phục chức năng vận động.
PLO2.5	Có khả năng giáo dục và tư vấn cho VĐV về chăm sóc sức khỏe và đề phòng các chấn thương, các bệnh thường gặp trong hoạt động TDTT tại các cơ sở huấn luyện và các câu lạc bộ TDTT.
PLO2.6	Có khả năng tư vấn, biên soạn các bài tập vận động nhằm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ điều trị các bệnh nghề nghiệp ở các ngành nghề khác nhau
PLO2.7	Có khả năng làm việc độc lập, và khả năng thuyết trình tốt.
PLO2.8	Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả, tổ chức hội thảo; đại hội các CLB TDTT.
PLO2.9	Thực hiện được các kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, tham gia giám sát các chương trình mục tiêu về y tế dự phòng.
PLO3	Chuẩn về thái độ
PLO3.1	Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm; ý thức tổ chức, kỷ luật; chấp hành tốt các quy định của nhà nước và của cơ quan.
PLO3.2	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe vận động viên, hết lòng phục vụ người bệnh.
PLO3.3	Có tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị.

1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

- Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc trong các Trung tâm huấn luyện TDTT, trong các đơn vị TDTT cơ sở, cán bộ Y sinh học tại các Sở văn hóa, Thể thao và du lịch; các trường nghiệp vụ TDTT, cán bộ chăm sóc sức khỏe tại các đội tuyển TDTT... Hoặc là cán bộ giảng dạy các môn Y sinh học TDTT, các môn thể thao trong các trường của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Khả năng học tập nâng cao: Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sỹ và tiến sỹ chuyên ngành Y sinh học TDTT, học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành TDTT tại các trường.

1.7. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.7.1. Tiêu chuẩn nhập học

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.7.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT- BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

Một năm học gồm 02 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè, nghỉ Tết.

Học kỳ phụ có 6 – 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí.

Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, Nhà trường công bố học phần học tập của từng kỳ, mức đóng học phí. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã công bố và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.7.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN.

Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

Có đơn gửi Khoa/Trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

1.8. Các chiến lược dạy – học và phương pháp đánh giá

1.8.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người sau quá trình đào tạo trở thành công dân tốt, phát huy hiệu quả tốt nhất năng lực của bản thân, mang lại giá trị cao cho cộng đồng”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;
 Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.8.2. Phương pháp giảng dạy

TT	Mã PP	Tên PP	Nhóm PP
1	PPD1.1	Phương pháp động não	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động
2	PPD1.2	Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ	
3	PPD1.3	Phương pháp học dựa trên vấn đề	
4	PPD1.4	Phương pháp hoạt động nhóm	
5	PPD1.5	Phương pháp đóng vai	
6	PPD2.1	Học dựa vào dự án	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm
7	PPD2.2	Mô phỏng	
8	PPD2.3	Nghiên cứu tình huống	
9	PPD2.4	Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng	

1.8.3. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Mã PP	Tên PP
1	PDG1	Đánh giá ý thức và thái độ học tập
2	PDG2	Đánh giá hồ sơ học phần
3	PDG3	Đánh giá theo hình thức vấn đáp
4	PDG4	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm
5	PDG5	Đánh giá theo hình thức tự luận
6	PDG6	Đánh giá theo hình thức thực hành
7	PDG7	Đánh giá viết báo cáo
8	PDG8	Đánh giá thuyết trình

a. Đánh giá học phần:

Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

Đối với các học phần GDQP-AN, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy.

*Lưu ý: để được đánh giá **Đạt** các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

Các phương pháp đánh giá học phần: Tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

Cách đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	40%
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1.2. Đánh giá giữa kì - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	30%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - <i>Học phần chỉ có lí thuyết</i> : điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kì và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...). - <i>Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i> : điểm đánh giá cuối kì là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - <i>Học phần có cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án</i> : điểm đánh giá cuối kì là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.	60%
3. Công thức tính điểm học phần 3.1. Học phần chỉ có lí thuyết Điểm học phần lí thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.3 + a_3 \times 0.6$ Trong đó, a: điểm học phần; a ₁ : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a ₂ : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a ₃ : điểm đánh giá thi kết thúc học phần. 3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân. 3.3. Học phần bao gồm cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.3 + (a_3 * m + a_4 * n) \times 0.6 / (m + n).$ Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a ₁ : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a ₂ : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a ₃ : điểm đánh giá thi kết thúc phần lí thuyết; a ₄ : điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lí thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án. 3.4. Học phần thực tập cuối khóa - Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$ Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a ₁ : điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a ₂ : điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.	

b. Quy trình cho điểm:

Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo.

c. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Quy đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH HỌC

2.1. Cấu trúc và nội dung chương trình

a. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức đại cương	30	
2. Kiến thức cơ sở ngành	31	
3. Kiến thức ngành	47	
4. Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp	14	
Tổng số	122	

b. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)
A	Các môn đại cương		30	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	1ĐC301	2	1
	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	1ĐC302	3	2
2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản VN	1ĐC303	3	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC304	2	3
4	Ngoại ngữ 1	1ĐC201	3	1
	Ngoại ngữ 2	1ĐC202	3	2
5	Tin học đại cương	1ĐC103	2	6
6	Tâm lý học đại cương	1TL101	2	3
7	Giáo dục học đại cương	1TL201	2	4
8	Thống kê toán học	1ĐC101	2	3
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC106	2	4
10	Quản lý hành chính nhà nước	1QL201	2	4
11	Pháp luật đại cương	1QL101	2	2
12	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	1QP001	3	1

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)
13	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	1QP002	2	1
14	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1QP003	1	1
15	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	1QP004	2	1
B	Kiến thức cơ sở ngành		31	
	Bắt buộc:		10	
1	Giải phẫu Thể dục thể thao	1YS701	2	2
2	Sinh lý Thể dục thể thao 1	1YS301	2	5
	Sinh lý Thể dục thể thao 2	1YS302	2	6
3	Vệ sinh Thể dục thể thao	1YS201	2	1
4	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	1LL001GYQ	2	5
	Tự chọn 1 (5/21 tín chỉ)		5	
5	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL102HYQ	2	
6	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL202HYQ	2	
7	Y học Thể dục thể thao	1YS101	3	7
8	Đo lường Thể thao	1ĐC102	2	5
9	Quản lý Thể dục thể thao	1QL202Y	2	
10	Xã hội học Thể dục thể thao	1QL304GHY	2	
11	Đường lối Thể dục thể thao của đảng cộng sản Việt Nam	1ĐC303	2	
12	Lịch sử Thể dục thể thao	1LL007	2	
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1ĐC203Y	2	
14	Văn hóa thể thao	1TL204	2	
	Tự chọn 2 (16/34 tín chỉ)		16	
15	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền Kinh	1ĐK007GYQ	2	2
16	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	1TD007GYQ	2	1
17	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	1BL007GYQ	2	3
18	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	1TD009GYQ	2	
19	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	1BD007GYQ	2	5
20	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	1BB007GYQ	2	
21	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	1BR007GYQ	2	4
22	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	1BC007GYQ	2	
23	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	1BN007GYQ	2	
24	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	1QV007GYQ	2	4
25	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	1CV007GYQ	2	
26	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	1CL007GYQ	2	
27	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	1BS007GYQ	2	

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)
28	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	1VA007GYQ	2	
29	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	1VO007GYQ	2	6
30	Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn Thể thao dân tộc	1BS008GYQ	2	
31	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	1GO007GYQ	2	5
C	Các môn kiến thức ngành		47	
	Chuyên ngành Y học TDTT và sức khỏe			
	Bắt buộc:		32	
1	Kiểm tra y học	1YS103Y	4	7
2	Hồi phục Thể thao	1YS601Y	2	7
3	Xoa bóp Thể thao	1YS603Y	6	2,3,4
4	Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu	1YS808Y	3	7
5	Bệnh học Nội khoa	1YS805Y	2	5
6	Bệnh học Ngoại khoa	1YS806Y	2	6
7	Cấp cứu ban đầu	1YS802Y	3	4
8	Y tế cơ sở	1YS801Y	3	4
9	Thể dục chữa bệnh	1YS602Y	3	8
10	Dinh dưỡng Thể thao	1YS402Y	4	6
	Tự chọn (15/26 tín chỉ)		15	
11	Giải phẫu vận động	1YS702Y	3	3
12	Sinh hóa Thể dục thể thao	1YS401Y	3	4
13	Sinh cơ Thể dục thể thao	1YS501Y	3	3
14	Sinh lý huấn luyện	1YS303Y	3	5
15	Di truyền học và tuyển chọn	1YS807Y	3	8
16	Sinh lý bệnh	1YS304Y	2	
17	Dược học cơ sở	1YS804Y	3	
18	Y học cổ truyền	1YS803Y	3	
19	Vệ sinh phòng bệnh	1YS202Y	3	
D	Thực tập nghề nghiệp			
	Thực tập nghiệp vụ			
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1TT001	3	5
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT002	5	7
3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế	1LV001	6	8
	Học phần chuyên môn thay thế:			
1	Học phần chuyên môn thay thế 1	1LL008GYQ	3	8
2	Học phần chuyên môn thay thế 2	1YS102GHY	3	8
E	Chuyên ngành 2			
1	Sinh viên lựa chọn theo nhu cầu (*)		18	
Tổng			122	

2.2. Ma trận liên kết các học phần và CĐR

[illegible]

[illegible]

TT	Mã HP	Tên Hp	LOP1										LOP2									LOP3			
			L O P 1. 1	L O P 1. 2	L O P 1. 3	L O P 1. 4	L O P 1. 5	L O P 1. 6	L O P 1. 7	L O P 1. 8	L O P 1. 9	L O P 1. 10	L O P 2. 1	L O P 2. 2	L O P 2. 3	L O P 2. 4	L O P 2. 5	L O P 2. 6	L O P 2. 7	L O P 2. 8	L O P 2. 9	L O P 3. 1	L O P 3. 2	L O P 3. 3	
39	1BC007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyên				X							X		X										X
40	1BN007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném				X							X		X										X
41	1QV007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt				X							X		X										X
42	1CV007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua				X							X		X										X
43	1CL007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông				X							X		X										X
44	1BS007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng				X							X		X										X
45	1VA007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật				X							X		X										X
46	1VO007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ				X							X		X										X
47	1BS008G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn Thể thao dân tộc				X							X		X										X
48	1GO007G YQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf				X							X		X										X
		Các môn kiến thức ngành																							
		Bắt buộc:																							
49	1YS103Y	Kiểm tra y học					X	X	X	X				X		X			X		X			X	X
50	1YS601Y	Hồi phục Thể thao					X	X	X					X		X		X	X					X	X
51	1YS603Y	Xoa bóp Thể thao					X	X	X		X			X		X		X	X					X	X
52	1YS808Y	Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu					X	X	X		X			X		X		X						X	X
53	1YS805Y	Bệnh học Nội khoa					X	X	X					X			X		X					X	X
54	1YS806Y	Bệnh học Ngoại khoa					X	X	X					X			X		X					X	X
55	1YS802Y	Cấp cứu ban đầu					X	X	X					X			X		X		X			X	X

TT	Mã HP	Tên Hp	LOP1										LOP2									LOP3		
			L O P 1. 1	L O P 1. 2	L O P 1. 3	L O P 1. 4	L O P 1. 5	L O P 1. 6	L O P 1. 7	L O P 1. 8	L O P 1. 9	L O P 1. 10	L O P 2. 1	L O P 2. 2	L O P 2. 3	L O P 2. 4	L O P 2. 5	L O P 2. 6	L O P 2. 7	L O P 2. 8	L O P 2. 9	L O P 3. 1	L O P 3. 2	L O P 3. 3
56	1YS801Y	Y tế cơ sở					X	X	X				X				X		X		X		X	X
57	1YS602Y	Thê dục chữa bệnh					X	X	X		X			X			X	X	X				X	X
58	1YS402Y	Dinh dưỡng Thê thao					X	X		X	X			X			X		X				X	X
		Tự chọn (15/26 tín chỉ)																						
59	1YS702Y	Giải phẫu vận động					X			X				X									X	X
60	1YS401Y	Sinh hóa Thê dục thê thao					X			X				X									X	X
61	1YS501Y	Sinh cơ Thê dục thê thao					X							X									X	X
62	1YS303Y	Sinh lý huấn luyện					X			X				X									X	X
63	1YS807Y	Di truyền học và tuyển chọn					X			X				X									X	X
64	1YS304Y	Sinh lý bệnh					X	X	X					X									X	X
65	1YS804Y	Dược học cơ sở					X	X	X	X				X					X				X	X
66	1YS803Y	Y học cổ truyền					X	X	X					X									X	X
67	1YS202Y	Vệ sinh phòng bệnh					X	X	X					X		X	X				X		X	X
		Thực tập nghề nghiệp																						
		Thực tập nghiệp vụ																						
68	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1	X		X		X	X	X		X				X				X		X	X	X	X
69	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	X		X		X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
70	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế																				X	X	X
		Học phần chuyên môn thay thế:																						
71	1LL008G YQ	Học phần chuyên môn thay thế 1		X	X	X	X								X				X				X	
72	1YS102G HY	Học phần chuyên môn thay thế 2				X		X	X	X	X		X						X				X	

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			9				
1	1ĐC301	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	2	28	2	0	
2	1ĐC201	Ngoại ngữ	3	13	24	8	
3	1TD007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	2	0	60	0	
4	1YS201	Vệ sinh Thể dục thể thao	2	24	6	0	

Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			12				
1	1ĐC302	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	3	42	3	0	
2	1ĐC202	Ngoại ngữ	3	13	24	8	
3	1QL101	Pháp luật đại cương	2	20	7	3	
4	1YS701	Giải phẫu Thể dục thể thao	2	24	6	0	
5	1YS603Y	Xoa bóp thể thao	2	15	30	0	1YS01GHQY 1YS02GHQY 1YS03GHQY 1YS04GHQY
Tự chọn			2				
6	1ĐK007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điện kinh	2	6	54	0	

Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			11				
1	1ĐC303	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	3	37	8	0	1ĐC301/ 1ĐC302
2	1ĐC304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	28	0	2	1ĐC302
3	1ĐC101	Thống kê toán học	2	20	0	10	
4	1YS603Y	Xoa bóp bấm huyệt	2	15	30	0	1YS01GHQY 1YS02GHQY 1YS03GHQY 1YS04GHQY
5	1TL101	Tâm lý học đại cương	2	28	2	0	
Tự chọn			8				
6	1YS702Y	Giải phẫu vận động	3	30	30	0	
7	1BL007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	0	60	0	
8	1YS501Y	Sinh cơ Thể dục thể thao	3	30	15	0	

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			14				
1	1TL201	Giáo dục học đại cương	2	30	0	0	
2	1ĐC106	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	26	4	0	1ĐC101
3	1QL201	Quản lý hành chính nhà nước	2	20	10	0	
4	1YS603Y	Xoa bóp trị liệu	2	15	30	0	1YS01GHQY 1YS02GHQY 1YS03GHQY 1YS04GHQY
5	1YS802Y	Cấp cứu ban đầu	3	30	30	0	
6	1YS801Y	Y tế cơ sở	3	15	30	0	
Tự chọn			7				
5	1BR007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	2	15	30	0	
6	1QV007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	2	15	30	0	
7	1YS401Y	Sinh hóa Thể dục thể thao	3	30	15		

Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			9				
1	1YS301	Sinh lý Thể dục thể thao 1	2	30	0	0	1YS701
2	1LL001GYQ	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	2	30	0	0	
3	1YS805Y	Bệnh học Nội khoa	2	20	10	0	1YS01GHQY 1YS02GHQY 1YS03GHQY
4	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1	3	0	135	0	
Tự chọn			9				
5	1ĐC102	Đo lường Thể thao	2	18	12	0	1ĐC101
6	1BĐ007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	2	15	30	0	
7	1GO007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	2	15	30	0	
8	1YS303Y	Sinh lý huấn luyện	3	30	15	0	

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			6				
1	1ĐC103	Tin học đại cương	2	30	0	0	
2	1YS302	Sinh lý Thể dục thể thao 2	2	30	0	0	1YS02GHQY
3	1QL305Q	Bệnh học ngoại khoa	2	30	0	0	

Tự chọn			2				
4	1VO007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	2	15	30	0	
5	1YS402Y	Dinh dưỡng Thể thao	4	30	30	0	1YS02GHQY 1YS04GHQY

Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			14				
1	1YS103Y	Kiểm tra y học	4	60	0	0	1YS02GHQY 1YS01GHQY 1YS03GHQY 1YS04GHQY 1YS013Y
2	1YS601Y	Hồi phục Thể thao	2	15	30	0	1YS01GHQY 1YS02GHQY 1YS03GHQY 1YS04GHQY 1YS020Y 1YS021Y 1YS022Y
3	1YS808Y	Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu	3	30	30	0	1YS01GHQY 1YS02GHQY
4	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2	5	0	225	0	
Tự chọn			3				
5	1YS101	Y học Thể dục thể thao	3	45	0	0	1YS01GHQY 1YS02GHQY 1YS03GHQY 1YS04GHQY

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BT	HP tiên quyết
Bắt buộc			12				
1	1YS602Y	Thể dục chữa bệnh	3	30	30	0	1YS012Y 1YS014Y 1YS018Y 1YS019Y 1YS020Y
2	1YS807Y	Di truyền học và tuyển chọn	3	30	15		1YS01GHQY 1YS02GHQY
3	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	6				
Tự chọn			3				
<i>Học phần chuyên môn thay thế</i>							

1	1LL008GYQ	Học phần chuyên môn thay thế 1	3			0	
2	1YS102GHY	Học phần chuyên môn thay thế 2	3			0	

2.4. Tóm tắt các học phần

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (5 tín chỉ)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin. Từ đó, xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để sinh viên tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo. Trang bị cho sinh viên những kiến thức LLCT cơ bản góp phần thực hiện mục tiêu chung của Đảng và nhà nước cũng như con đường đi lên CNXH ở Việt nam hiện nay. Giúp người học nhận thức đúng đắn về con đường đi lên CNXH mà đảng ta và Chủ tịch HCM đã lựa chọn, từ đó tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và làm việc tuân thủ pháp luật.

2. Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những nội dung chính về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

4. Ngoại ngữ (6 tín chỉ)

Học phần ngoại ngữ cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành, sinh viên có thể củng

có được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Tin học đại cương (tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6. Tâm lý học đại cương (2tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý - ý thức của nhân cách. Qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm.

7. Giáo dục học đại cương (2tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm được: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển, hệ thống khái niệm riêng. Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ của giáo dục nước ta hiện nay, các con đường để thực hiện giáo dục. Học phần còn giáo dục sinh viên có tình cảm, ý thức trách nhiệm với việc học tập cũng như công tác sau này.

8. Thống kê toán học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về xác suất: Hoán vị, tổ hợp; Định nghĩa xác suất cổ điển; Dãy phép thử; Đại lượng ngẫu nhiên; Hàm phân bố; Các số đặc trưng; Thống kê; Lý thuyết mẫu; Ước lượng; Bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; Hồi quy và tương quan.

9. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

10. Quản lý hành chính nhà nước (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về những vấn đề chung của Nhà nước trên tất cả các mặt quan trọng như: quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý quốc phòng - an ninh, tôn giáo, dân tộc và niềm núi, dân số, lao động, tài nguyên và môi trường, với các lĩnh vực quan trọng khác của đời sống xã hội như: giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế và TDTT.

11. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam.

12. Giải phẫu Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lý diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. Mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lý trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.

13. Sinh lý Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDTT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lý học TDTT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

14. Vệ sinh Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập TDTT, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất và tập luyện TDTT.

15. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học TDTT như khái niệm, vai trò của TDTT, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong TDTT.

16. Tâm lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của các hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT. Qua đó góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

17. Giáo dục học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong TDTT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TDTT nói riêng. Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức - nhân cách cho người tập. Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công tác sau khi ra trường. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho sinh viên.

18. Y học Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện. Kiến thức và phương pháp để bước đầu đề phòng và xử lý các trường hợp xấu do tập luyện thiếu khoa học gây ra. Biết vận dụng phương pháp luyện tập để giữ gìn sức khỏe, tăng tuổi thọ. Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TDDT. Biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

19. Đo lường Thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TDDT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn... Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.

20. Quản lý Thể dục thể thao quần chúng (2 tín chỉ)

Giúp người học khái quát được những vấn đề cơ bản về quản lý và quản lý TDDT quần chúng; đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá, tổ chức công tác TDDT quần chúng. Tăng cường rèn luyện kỹ năng phân tích, nghiên cứu các vấn đề lý luận trong thực tiễn hoạt động quản lý TDDT quần chúng.

Sinh viên có tinh thần tự học, tự cập nhật kiến thức về quản lý TDDT quần chúng. Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong tốt; tinh thần làm việc nghiêm túc, trung thực, yêu nghề.

21. Xã hội học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học TDDT, nhận biết, nắm và hiểu rõ những tác động qua lại của các môn khoa học xã hội tới lĩnh vực thể dục thể thao. Thông qua kiến thức được học tập sinh viên biết vận dụng vào các nghiên cứu, ứng dụng đánh giá, dự báo sự phát triển lĩnh vực thể dục thể thao trong xã hội. Sinh viên có tinh thần tự học, tự cập nhật kiến thức xã hội học nói chung và xã hội học thể dục thể thao nói riêng. Có tinh thần làm việc nghiêm túc, trung thực, yêu nghề, có mong muốn đóng góp cho sự phát triển của thể dục thể thao nước nhà.

22. Đường lối Thể dục thể thao của đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Hiểu rõ quan điểm của Hồ Chí Minh và chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước về TDDT ở từng giai đoạn. Vận dụng kiến thức đã học để giải thích quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về TDDT trong từng giai đoạn phát triển của đất nước; Phân tích và tổng hợp được các vấn đề lý luận về Đường lối TDDT của ĐCSVN theo Tư tưởng Hồ Chí Minh cấp cứu thường gặp trong hoạt động TDDT. Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm

23. Lịch sử Thể dục thể thao

Cung cấp kiến thức hình thành lên TDDT ở trong nước và quốc tế, quá trình hình thành các tổ chức, hiệp hội TDDT.

24. Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 thuộc thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.

25. Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

26. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội (2 tín chỉ)

Bơi lội là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lội như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước, Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lội và tác dụng của nó đến người học, thông qua học phần rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tâm vóc và phẩm chất, tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỷ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.

27. Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm kiến thức lý luận, thực hành về Âm nhạc và Vũ đạo, bao gồm một số vấn đề về nhịp - nhịp độ, tiết tấu của các điệu thức, ngôn ngữ động tác, các đặc trưng của chất liệu múa, luật vận động của động tác... Thực hành có các bài tập về khởi động; các động tác cơ bản của đầu -tay - chân...; nhịp và chất liệu múa của các vùng đồng bằng, Tây nguyên, Cổ điển, Khơ me - Chăm...; động tác liên kết và động tác độc lập ở nhịp độ...

28. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực tư phạm, khả năng tổ chức, tiên hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

29. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Bóng bàn. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Bóng bàn.

30. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.

31. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Bóng chuyền. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Bóng chuyền.

32. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Bóng ném. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Bóng ném

33. Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

34. Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động trí lực của môn Cờ vua. Hình thành các kỹ năng cơ bản trong cờ vua.

35. Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Cầu lông. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Cầu lông.

36. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Bắn súng. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Bắn súng.

37. Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Vật. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Vật.

38. Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên có đủ khả năng thực hành các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

39. Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn thể thao dân tộc (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Trò chơi vận động. Hình thành các khả năng tổ chức, biện soạn Trò chơi vận động.

40. Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Golf, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong tổ chức tập luyện, theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng hỗ trợ, giúp đỡ người tập tại các sân tập, câu lạc bộ.

41. Kiểm tra y học (3 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về kiểm tra chức năng cơ thể VĐV, cung cấp kiến thức về phương pháp kiểm tra và đánh giá các chức năng cơ thể của VĐV, đánh giá trình độ tập luyện của VĐV, đánh giá tổng hợp mức độ biến đổi chức năng cơ thể VĐV và những điều cần chú ý khi lựa chọn tiêu chí, miễn dịch trong thể thao, chấn thương và các bệnh thường gặp trong tập luyện TDTT.

42. Hồi phục Thể thao (2 tín chỉ)

Học phần giúp người học có khả năng vận dụng các phương pháp hồi phục để hồi phục trạng thái sức khỏe cho vận động viên và người tập sau tập luyện và thi đấu, vận dụng các phương pháp hồi phục vào công tác chăm sóc sức khỏe VĐV phục vụ huấn luyện, đánh giá trình độ tập luyện, Biết vận dụng những kiến thức hồi phục để giải thích một số hiện tượng trong tập luyện TDTT.

43. Xoa bóp Thể thao (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về xoa bóp, để sinh viên vận dụng được vào việc xoa bóp thay cho khởi động, xoa bóp điều chỉnh trạng thái trước thi đấu, xoa bóp thúc đẩy quá trình hồi phục, đề phòng và điều trị chấn thương thể thao, tăng cường sức khỏe và thành tích TDTT.

44. Xoa bóp bấm huyệt (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về xoa bóp và bấm huyệt, để sinh viên vận dụng được vào việc xoa bóp, bấm huyệt, giúp điều chỉnh trạng thái trước thi đấu, xoa bóp bấm huyệt thúc đẩy quá trình hồi phục, đề phòng và điều trị chấn thương thể thao, điều chỉnh một số hội chứng do tập luyện gây lên.

45. Xoa bóp trị liệu (2 tín chỉ)

Trang bị cho người học các kiến thức về xoa bóp áp dụng điều trị một số bệnh lý thông thường trong cuộc sống và do tập luyện gây lên.

46. Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các phương pháp hồi phục chức năng sau khi bệnh tật, chấn thương và phương pháp áp dụng vật lý trị liệu trong điều trị và hoạt động TDTT, các phương pháp điều trị bằng vật lý trị liệu, các phương pháp hồi phục chức năng và các biện pháp thúc đẩy quá trình hồi phục, vận dụng các kiến thức để hồi phục chức năng và điều trị chấn thương trong tập luyện TDTT.

47. Bệnh học Nội khoa (2 tín chỉ)

Học phần trang bị các kiến thức về phương pháp thăm khám các cơ quan vận động, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, khám và chẩn đoán các triệu chứng sốt, hội chứng đông đặc, hội chứng tràn dịch, tràn khí màng phổi. Bệnh học nội khoa, khám, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh về tim (suy tim, viêm nội và ngoại tâm mạc). Khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh về phổi, chẩn đoán và điều trị các bệnh về thận và các phương pháp sử lý ngộ độc thuốc, khám và chẩn đoán các triệu chứng về hệ tiêu hoá và nội tiết.

48. Bệnh học Ngoại khoa (2 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về ngoại cơ sở và chấn thương, kỹ năng thăm khám bệnh ngoại khoa, phân khu các tạng trong ổ bụng, thăm khám lâm sàng các khối u và các cơ quan vận động, triệu chứng lâm sàng của gãy xương tứ chi, phương pháp sơ cứu và điều trị khi xương bị gãy, các triệu chứng lâm sàng của chấn thương sọ não và cột sống. Cách sơ cứu ban đầu và phương pháp chẩn đoán điều trị, hội chứng chảy máu trong ổ bụng khi bị vỡ tạng như gan, lách, dạ dày, ruột... các phương pháp chẩn đoán điều trị, bệnh lý về cơ quan tiêu hoá: tắc ruột, lồng ruột, viêm ruột thừa cấp... các phương pháp chẩn đoán và điều trị, bệnh lý về cơ quan tiết niệu: Sỏi mật, bàng quan,

niệu đạo... Các phương pháp chẩn đoán và điều trị.

49. Cấp cứu ban đầu (3 tín chỉ)

Trang bị kiến thức và kỹ năng về các phương pháp chẩn đoán nhanh chấn thương và các trạng thái bệnh lý cấp tính, các nguyên tắc và kỹ năng thực hành xử lý tình huống trong cấp cứu ban đầu và chuyển lên tuyến trên kịp thời để điều trị các trường hợp cấp cứu.

50. Y tế cơ sở (3 tín chỉ)

Nội dung học phần trang bị cho người học khả năng vận dụng các phương pháp y học để cấp cứu, chăm sóc sức khỏe, đề phòng và xử lý bước đầu các bệnh thường gặp, vận dụng được quy trình thăm khám lâm sàng và hồ sơ bệnh án, biết các phương pháp tiêm và chăm sóc sức khỏe VĐV phục vụ trong huấn luyện, thi đấu, các phương pháp chăm sóc y tế và điều trị cấp cơ sở, thành thực kỹ năng xử lý, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe VĐV phục vụ trong huấn luyện, thi đấu.

51. Thở dực chữa bệnh (3 tín chỉ)

Thở dực chữa bệnh, trang bị cho sinh viên các kiến thức về lý luận và phương pháp dùng các hình thức vận động để phòng và chữa bệnh nguyên lý chung của thở dực chữa bệnh, thở dực chữa bệnh tim mạch và hô hấp, tiêu hoá và rối loạn tiêu hoá các chất, Thở dực chữa bệnh cong vẹo cột sống, thở dực điều trị chấn thương cơ quan vận động thở dực điều trị tổn thương và bệnh tổn thương thần kinh.

52. Dinh dưỡng Thể thao (4 tín chỉ)

Học phần, trang bị về dinh dưỡng, cấu tạo, vai trò các chất sinh ra năng lượng (đường, đạm, mỡ) đối với cơ thể, quá trình tiêu hao, chuyển hoá của các chất trong quá trình sống và hoạt động, nhu cầu dinh dưỡng và vai trò của Vitamin, muối khoáng, nước đối với cơ thể, những bệnh lý xảy ra khi cơ thể bị thiếu hoặc thừa Vitamin, muối khoáng, đặc điểm dinh dưỡng vận động viên, đặc điểm dinh dưỡng của các loại vận động, đặc điểm dinh dưỡng ở một số môn TT.

53. Giải phẫu vận động (3 tín chỉ)

Nội dung chính của học phần là nghiên cứu hình thái và cấu tạo của cơ thể người phát triển bình thường, khoẻ mạnh và quy luật phát triển về hình thái và cấu tạo của cơ thể trong hoạt động TDTT. Giới thiệu khái quát về giải phẫu thể thao và đặc điểm hình thái, cấu tạo cũng như chức năng của xương, khớp, cơ của chi trên, chi dưới, thân mình. Giới thiệu về hệ các cơ quan cảm thụ, hệ nội tiết và hệ thần kinh. Trong đó hệ giác quan ngoài mắt và tai còn giới thiệu về da và hệ cảm giác bản thể. Phần hệ thần kinh đi sâu nghiên cứu hệ thần kinh ngoại biên và hệ thần kinh thực vật.

54. Sinh hóa Thở dực thể thao (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hoá học, quá trình chuyển hoá các chất và năng lượng trong cơ thể sống, cũng như mối tương quan giữa quá trình chuyển hoá và chức năng trong cơ thể. Trên cơ sở nắm vững kiến thức của những môn khoa học đại cương (toán học, vật lý học, sinh học, hoá học...), môn sinh hoá TDTT cung cấp cơ sở lý luận cơ bản để giúp sinh viên tiếp thu kiến thức của các môn y – sinh liên quan như: vệ sinh, sinh lý học TDTT, y học TDTT....đồng thời, góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn của TDTT như tuyển chọn VĐV, các định và đánh giá lượng vận động, kiểm tra trình độ tập luyện.

55. Sinh cơ Thở dực thể thao (3 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức có giá trị nền tảng lâu dài về cơ chế của kỹ thuật, chiến thuật thể thao. Những vấn đề chính môn học đề cập đến là: Mô tả chuyển động thể thao, giải thích các lực tác dụng, khảo sát các thông số sinh cơ về điều kiện cũng như về vấn đề phối hợp chuyển động, phân tích hoàn thiện kỹ

năng ở các môn thể thao khác nhau, các phương tiện sinh cơ hỗ trợ cho việc học, thực hành và tập luyện, những yêu cầu đối với bộ máy vận động, các thủ tục đo lường, các nguyên lý và định luật sinh cơ thể thao.

56. Sinh lý huấn luyện (3 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về đặc điểm một số hệ thống chức năng của cơ thể trong hoạt động TDDT, cơ sở vật lý của tuần hoàn máu, tuần hoàn động mạch, tuần hoàn phổi, tuần hoàn mạch vành, tuần hoàn não, một số kỹ thuật thăm dò chức năng tim mạch. Đặc điểm sinh lý của một số môn thể thao: Thể dục, Điền kinh, Bơi lội, các môn bóng. Đặc điểm sinh lý các trạng thái chức năng của cơ thể xuất hiện trong hoạt động TDDT. Cơ sở sinh lý của trình độ tập luyện. Đặc điểm sinh lý lứa tuổi, giới tính trong tập luyện thể dục thể thao.

57. Di truyền học và tuyển chọn (3 tín chỉ)

Nội dung học phần trang bị những kiến thức cơ bản về di truyền, về tuyển chọn trong thể thao, học phần cung cấp các chỉ tiêu y học cơ bản thường được ứng dụng trong tuyển chọn VĐV một số môn thể thao, các phương pháp nghiên cứu và bản chất của vật chất di truyền ở người, ứng dụng di truyền trong tuyển chọn thể thao. Trình bày các chỉ tiêu y học có độ di truyền cao được ứng dụng trong tuyển chọn tài năng thể thao.

58. Sinh lý bệnh (2 tín chỉ)

Học phần giúp người học hiểu được về môn sinh lý bệnh, bao gồm khái niệm, cấu trúc, vai trò, vị trí, phương pháp nghiên cứu và ứng dụng của nó trong thực tiễn chẩn đoán bệnh, bệnh lý của quá trình miễn dịch, các cơ quan và tế bào tham gia quá trình miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể, quá trình viêm, sinh lý bệnh tạo hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và dòng máu. Sinh lý bệnh tuần hoàn, suy tuần hoàn do tim, mạch... Thăm dò chức năng hô hấp ngoài, rối loạn chức năng hô hấp ngoài, bệnh đổi ôxy, suy hô hấp, rối loạn chuyển hoá Gluxit, rối loạn chuyển hoá Protit, rối loạn chuyển hoá Lipit, rối loạn chuyển hoá nước và điện giải. Sinh lý bệnh chức năng dạ dày, sinh lý bệnh chức năng ruột, sinh lý bệnh chức năng gan, sinh lý bệnh chức năng thận. Thay đổi thân nhiệt thụ động, thay đổi chủ động thân nhiệt - Sốt, vai trò tương tác giữa các tuyến nội tiết, rối loạn chức năng hệ dưới đồi Yên, Tuyến nội tiết trong một số tình trạng phá vỡ cân bằng nội môi; thay đổi trong quá trình lão hoá, tuổi già bệnh tật.

59. Dược học cơ sở (3 tín chỉ)

Trang bị kiến thức cho người học về phân loại thuốc và sử dụng thuốc trong cấp cứu, chăm sóc sức khỏe, đề phòng và xử lý bước đầu các bệnh thường gặp cho VĐV và người bệnh, phân loại thuốc, cơ chế và tác dụng của các loại thuốc, các phương pháp sử dụng thuốc, chống doping.

60. Y học cổ truyền (3 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về lý luận cơ bản về y học dân tộc, trang bị cho sinh viên lịch sử y học cổ truyền chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, hệ thống lý luận cơ bản, nguyên tắc và phương pháp chữa bệnh bằng y học dân tộc, các bệnh nội, ngoại, chuyên khoa y học dân tộc, trang bị cho sinh viên về lâm sàng, phương pháp điều trị một số bệnh nội, ngoại khoa, chuyên khoa, các vị thuốc và các bài thuốc y học dân tộc, trang bị cho sinh viên các kiến thức về các vị thuốc y học dân tộc thường dùng nhất để làm cơ sở cho việc kê đơn chữa bệnh và một số bài thuốc y học dân tộc.

61. Vệ sinh phòng bệnh (3 tín chỉ)

Học phần bao gồm những kiến thức về mối liên quan giữa môi trường, sức khỏe và biện pháp nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật. Nắm vững các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng, thực hiện được các biện pháp cơ bản nhằm bảo vệ và cải tạo môi trường sống, đề phòng tai nạn và phòng chống dịch.

62. Thực tập nghiệp vụ lần 1 (3 tín chỉ)

Mục đích tạo điều kiện tiếp cận với hồ sơ và công tác thăm khám bệnh trong thực tiễn, hiểu quy trình thăm khám lâm sàng và hồ sơ bệnh án, thực hành phương pháp kiểm tra y học lâm sàng đối với các bệnh nội, ngoại khoa và chấn thương, phương pháp phối hợp xử lý chấn thương với bác sỹ.

63. Thực tập nghiệp vụ lần 2 (5 tín chỉ)

Giúp sinh viên nhận thức đúng và thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn nghề nghiệp, thực hiện nhiệm vụ theo dõi, chăm sóc sức khỏe cho người tập luyện, ghi hồ sơ bệnh án, thao tác tốt các phương tiện cận lâm sàng dùng trong chẩn đoán chức năng, trực tiếp hồi phục cho VĐV, bước đầu xử lý các chấn thương, bệnh lý, tiến hành kiểm tra y học lâm sàng một số giờ huấn luyện.

64. Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Mục đích, trang bị cho sinh viên năng lực biết phát hiện vấn đề và vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết vấn đề khoa học một cách độc lập, hình thành phẩm chất của nhà nghiên cứu, phát hiện vấn đề khoa học và xây dựng luận đề khoa học, xây dựng và bảo vệ đề cương nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu và thu thập thông tin khoa học theo những luận chứng đã lựa chọn, xử lý thông tin khoa học, viết và hoàn thiện luận văn khoa học, tóm tắt luận văn, trình bày bài báo khoa học và gửi đăng, bảo vệ khóa luận.

2.5. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo, chương trình dạy học: Tháng 9 năm 2021